

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 641/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé;

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 375/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn D, sinh năm: 1969 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21/1 Nguyễn Thị Đ, tổ 5, ấp Tr, xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Huyền Ch, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21/1 Nguyễn Thị Đ, tổ 5, ấp Tr, xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường Tỉnh lộ 2, tổ 3, ấp V, xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Trịnh Văn D trình bày:*

Ông và bà Võ Thị Huyền Ch xây dựng gia đình năm 1992, không tổ chức cưới, hai bên tự nguyện đến với nhau, đến năm 1997 ông và bà Ch mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr1, huyện C vào ngày 27/9/1997.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng ông sống bên gia đình ông tại ấp Tr, xã Tr1, huyện C, sống rất hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2008, nguyên nhân do bà Ch đi làm rồi vay mượn, cờ bạc gây ra nợ nần, phải bỏ nhà đi trốn nợ, ông đã phụ trả nợ cho bà Ch số tiền khoảng 300.000.000đ. Ông đã từng gửi đơn xin ly hôn vào năm 2020 nhưng do được Thẩm phán hòa giải, khuyên nhủ, ông đã rút đơn lại nhưng giữa vợ chồng ông đã có một khoảng cách rất lớn, không thể nào hàn gắn. Bản thân ông thừa nhận do vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, hiện bà

Ch đã ra ngoài thuê nhà ở riêng hơn 02 năm nay, bản thân ông thấy tình cảm ông dành cho bà Ch không còn, không thể hàn gắn nên ông cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn.

Ông và bà Ch có 02 con chung đều đã trưởng thành tên Trịnh Thị D1, sinh ngày 14/4/1993 và Trịnh Văn Ph, sinh ngày 20/4/1994. Các con đều đã lớn nên ông không có ý kiến gì.

Tài sản chung ông và bà Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 17/5/2020 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là bà Võ Thị Huyền Ch trình bày:*

Bà và ông Trịnh Văn D chung sống với nhau vào năm 1992, đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn, không tổ chức cưới, hai bên tự nguyện đến với nhau.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ chồng, thời gian đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2008, nguyên nhân do kinh tế gia đình thiếu trước hụt sau nên bà có vay tiền, chơi hụi và gây ra nợ nần, tuy nhiên ông D không có phụ trả nợ số tiền 300.000.000đ như ông D nói mà do mẹ chồng cho tiền trả nợ. Ngoài ra mâu thuẫn chính khiến cho ông D nộp đơn xin ly hôn với bà là do ông D ngoại tình hết người này đến người khác, cơ quan ông D cho nghỉ việc, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không nghe, con bà còn phát hiện ông D trai trên gái dưới và có chụp hình lại làm bằng chứng. Dù có nhiều việc xảy ra như vậy nhưng bà vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ, bản thân bà sống ly thân cũng được vì bà vẫn còn thương chồng, mong muốn gia đình đoàn tụ, bà không muốn ly hôn.

Vợ chồng bà có 02 con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung bà không tranh chấp, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/3/2021, ông Trịnh Văn D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Võ Thị Huyền Ch, 02 con chung đã trưởng thành, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Ch đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 21/1 Nguyễn Thị Đ, tổ 5, ấp Tr, xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trịnh Văn D và bà Võ Thị Huyền Ch tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân xã Tr1, huyện C cấp ngày 27/9/1997, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của ông D thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 1992, hai bên

chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ông ở ấp Tr, xã Tr1, huyện C, đến khoảng năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn do bà Ch gây ra nợ nần làm ông phải phụ trả, vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông có quan hệ với người phụ nữ khác, bản thân ông nhận thức được việc này là sai, tuy nhiên ông không thể tiếp tục chung sống với bà Ch vì tình cảm không còn, năm 2020 ông đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng được cán bộ Tòa án hòa giải nên ông rút đơn, nay ông cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn vì vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt.

Xét trình bày của bà Ch thì do kinh tế gia đình eo hẹp, bà có gây ra nợ nần nhưng bà tự trả và mẹ chồng cho tiền trả chứ ông D không phụ bà trả nợ, ông D có quan hệ với người phụ nữ khác bị bà và con bắt gặp, dù ông D cho rằng ông không còn tình cảm với bà, vợ chồng bà đã ly thân và ông D cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn bà nhưng bà vẫn không đồng ý ly hôn, bà chấp nhận hoàn cảnh chồng bà không còn muốn chung sống với bà.

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa ông D và bà Ch đã kéo dài nhiều năm nay, cả hai cũng đã ly thân, ông D đã từng gửi đơn xin ly hôn một lần tại Tòa án vào năm 2020, do vậy không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông D và bà Ch tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, bà Ch mong muốn được đoàn tụ nhưng Hội đồng xét xử xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà Ch đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

[4] Về con chung:

Ông D và bà Ch có 02 con chung tên Trịnh Thị D1, sinh ngày 14/4/1993 và Trịnh Văn Ph, sinh ngày 20/4/1994 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung:

Ông D và bà Ch xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Ông D và bà Ch trình bày không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Trịnh Văn D và bà Võ Thị Huyền Ch.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân xã Tr1, huyện C cấp ngày 27/9/1997 cho ông D và bà Ch không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông D và bà Ch có 02 con chung tên Trịnh Thị D1, sinh ngày 14/4/1993 và Trịnh Văn Ph, sinh ngày 20/4/1994 đều đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản chung:

Ông D và bà Ch trình bày tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Ông D và bà Ch trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085984 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Tr1, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**